TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 74/2024/QĐST-DS	*G, ngày 24 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 193/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp Hưng Phú A, xã T, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn*: 1. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp 11, xã H, huyện G, tỉnh B.

2. Bà Phùng Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp 11, xã H, huyện G, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA:* bà Hồ Thị Thu A, sinh năm 1964; địa chỉ: số 407, ấp Hưng A A, xã T, huyện G, tỉnh B. *Người đại diện theo uỷ quyền*: ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp Hưng Phú A, xã T, huyện G, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn G, bà Phùng Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Duy K số tiền 272.348.000đ (hai trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Trong đó:

- Tiền gốc: 238.678.000đ (hai trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng);

- Tiền lãi: 33.670.000đ (ba mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quA Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hoà giải thành được giảm 50% theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án (272.348.000đ x 2,5%) là 6.808.700 đồng (sáu triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm đồng), mỗi bên chịu một nữa:

Ông Nguyễn Văn G, bà Phùng Thị L phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí là 3.404.350 đồng (ba triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, ba trăm năm mươi đồng);

Ông Nguyễn Duy K phải nộp án phí là 3.404.350 đồng (ba triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, ba trăm năm mươi đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.564.000 đồng (bảy triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004994 ngày 19/4/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, chi cục Thi hành án dân sự huyện G trả lại cho ông Nguyễn Duy K số tiền là 4.159.650 đồng (bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- TAD tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên